TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7 - GIA LAI** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 14/2026/HNGĐ-ST Ngày 05-03-2026 V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Công Tồn

Các Hội thẩm nhân dân:
Bà Tô Thị Lành
Bà Doãn Thị Lệ

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Mỹ Vương - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân khu vực 7 - Gia Lai.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Gia Lai tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Phan Quỳnh Như - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 03 năm 2026, tại Tòa án nhân dân khu vực 7 - Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 178/2025/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2025, về tranh chấp: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 01 năm 2026; Quyết định hoãn phiên tòa số: 09/2026/QDDST-HNGĐ ngày 05 tháng 02 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị Nguyệt N, sinh năm 1990; số căn cước công dân: 064190006375, cấp ngày 15/08/2021; địa chỉ: Số B đường C, tổ D, phường P, tỉnh Gia Lai. *Có mặt.*

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Quốc T, sinh năm 1990; số căn cước công dân: 064090009693, cấp ngày 27/12/2021; địa chỉ: Số F đường N, tổ B, phường D, tỉnh Gia Lai. *Vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện đề ngày 19-09-2025; bản tự khai ngày 16-10-2025 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Nguyệt N trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Quốc T tự nguyện tìm hiểu, đi đến hôn nhân có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai (cũ) ngày 19-04-2021. Sau 01 năm chung sống cả hai phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân chị và anh T có nhiều bất đồng về lối sống và quan điểm cá nhân không giải quyết được chị đã ra ở riêng từ đầu năm 2023 cho đến nay. Mâu thuẫn vợ đã được hai bên gia đình tổ chức hòa giải, động viên để hàn gắn tình cảm nhưng không thành. Nay, chị nhận thấy mâu

thuẫn của vợ chồng đã đến mức trầm trọng, không ai còn yêu thương hay quan tâm gì đến cuộc sống của nhau, nếu tiếp tục chung sống với nhau cũng không có hạnh phúc. Vì vậy, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Quốc T.

Về nuôi con chung: Chị và anh Nguyễn Quốc T có 01 con chung là cháu Nguyễn Quốc V, sinh ngày 16/10/2021, hiện cháu V đang sống chung cùng chị và chị là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu kể từ năm 2023 ra ở riêng cho đến nay, ly hôn chị yêu cầu Tòa án giao cháu V cho chị trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi con thành niên và có khả năng lao động.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N yêu cầu anh Nguyễn Quốc T phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.500.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Chị N không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

2. Quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý đến khi xét xử, Tòa án đã tiến hành các thủ tục triệu tập hợp lệ bị đơn anh Nguyễn Quốc T đến Tòa án để thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình, nhưng bị đơn đều vắng mặt tại các phiên họp công khai chứng cứ, hòa giải và tại phiên tòa hôm nay đều vắng mặt nên không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, do đó bị đơn không có bản khai tại hồ sơ, lời khai tại phiên tòa.

3. Biên bản xác minh ngày 25/11/2025 tại tổ B-yên Đ, phường D, tỉnh Gia Lai thể hiện: Anh Nguyễn Quốc T, sinh năm 1990 đang sinh sống tại số F đường N, phường D, tỉnh Gia Lai cùng với cha, mẹ là bà Lê Thị L và ông Nguyễn Quốc T1. Về tình trạng hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Nguyệt N và anh Nguyễn Quốc T thì chính quyền không nắm rõ vì chị N và anh T không thông báo cho chính quyền địa phương được biết. Về thu nhập của chị N và anh T địa phương không biết được.

4. Tại phiên tòa chị Nguyễn Thị Nguyệt N xác định không còn thương yêu, quý trọng đối với anh T, nếu tiếp tục sống chung giữa chị và anh Nguyễn quốc T cũng không đem lại hạnh phúc mà còn gây tổn thương cho nhau, nên chị vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn anh Nguyễn Quốc T và được nuôi con Nguyễn Quốc V. Chị N yêu cầu anh Nguyễn Quốc T phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.500.000 đồng/tháng.

5. Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa; người tham gia tố tụng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116 và 117 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 146, 147, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao; Nghị định 293/2025/NĐ-CP ngày 10/11/2025 của Chính phủ; Công văn số 4197/SNV-LĐVL ngày 28/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh G; Nghị quyết số 326/2016 ngày 30/12/2025 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Nguyệt N về việc được ly hôn với ông Nguyễn Quốc T; bà N được quyền trực tiếp nuôi con chung là cháu

Nguyễn Quốc V sau khi ly hôn; ông T có nghĩa vụ cấp dưỡng để nuôi cháu V với mức cấp dưỡng theo đúng quy định pháp luật.

Về án phí: Giải quyết án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân khu vực 7 - Gia Lai nhận định:

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 7 - Gia Lai giải quyết ly hôn, nuôi con chung đối với anh Nguyễn Quốc T là quan hệ tranh chấp theo quy định khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn cư trú tại phường D, tỉnh Gia Lai nên Tòa án nhân dân khu vực 7 - Gia Lai có thẩm quyền thụ lý, giải quyết theo quy định tại Điều 35 của Luật số 85/2025/QH15 ngày 25-06-2025 của Quốc Hội, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Bị đơn anh Nguyễn Quốc T không có yêu cầu phản tố và đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng đều vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng, hoặc trở ngại khách quan. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Nguyễn Quốc T theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Nguyệt N và anh Nguyễn Quốc T tự nguyện tìm hiểu, chung sống và đi đến hôn nhân có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai (cũ) ngày 19/04/2021. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Nguyệt N và anh Nguyễn Quốc T là hợp pháp.

[5] Chị Nguyễn Thị Nguyệt N và anh Nguyễn Quốc T sau một thời gian chung sống cả hai phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là vợ chồng không còn hòa hợp với nhau về tính tình và quan điểm sống, anh T không quan tâm đến gia đình, không lo làm ăn chị N góp ý thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Chị N, anh T đã nhiều lần cố gắng hòa giải cùng với sự động viên của gia đình nhưng không thành, không ai còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau, nếu tiếp tục sống chung với nhau cũng không đem lại hạnh phúc, do đó chị N đã ra ở riêng ly thân từ năm 2023 cho đến nay vẫn tiếp tục sống ly thân cùng với con là cháu Nguyễn Quốc V. Nay chị Nguyễn Thị Nguyệt N nhận thấy tình cảm vợ chồng đã hết, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Tại phiên tòa chị N xác định tình cảm của chị đối với anh Nguyễn Quốc T không còn yêu thương, quý trọng anh T, nên chị yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Quốc T.

[6] Trong quá trình giải quyết vụ án, anh T được Tòa án triệu tập hợp lệ đến Tòa án để có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị N xin ly hôn anh T; yêu cầu được quyền nuôi con chung, nhưng anh T không đến thực hiện quyền của mình. Điều này thể hiện anh T bỏ mặc, không mong muốn hàn gắn tình cảm cũng như tiếp tục chung sống với chị N, nên anh T không có ý kiến, bản khai nộp cho Tòa án, do đó không có ý kiến của bị đơn thể hiện trong hồ sơ và tại phiên tòa. Hiện nay giữa chị N và anh T không còn thương

yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, chị N và anh T sống ly thân từ năm 2023 đến nay và vẫn tiếp tục sống ly thân, không còn quan tâm, liên lạc đến nhau. Theo Biên bản xác minh ngày 25/11/2025 thể hiện anh T đang sống cùng bố mẹ tại tổ B, phường D, tỉnh Gia Lai. Do đó, Tòa án có cơ sở khẳng định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị Nguyệt N và anh Nguyễn Quốc T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Nguyệt N ly hôn anh Nguyễn Quốc T theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[7] Về nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị Nguyệt N và anh Nguyễn Quốc T có 01 con chung là cháu Nguyễn Quốc V, sinh ngày 16/10/2021, ly hôn chị N yêu cầu Tòa án giao cháu V cho chị trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con. Hiện cháu Nguyễn Quốc V đang sống cùng với chị Nguyễn Thị Nguyệt N từ năm 2023 đến nay có sự gắn bó, thân thiết nhiều hơn. Xét thấy anh Nguyễn Quốc T được Tòa án triệu tập hợp lệ đến Tòa án để có ý kiến đối với yêu cầu về nuôi con chung sau khi ly hôn của chị N, nhưng anh T không đến Tòa án để trình bày ý kiến, không thể hiện nguyện vọng hoặc yêu cầu về con chung, nên không có bản khai thể hiện trong hồ sơ cũng như tại phiên tòa. Chị N hiện đang có việc làm và thu nhập ổn định, có đủ điều kiện để trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con. Do đó, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con, bảo đảm sự ổn định, hạn chế sự xáo trộn môi trường sống, giáo dục của con sau khi bố mẹ ly hôn. Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu giao con chung cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[8] Về cấp dưỡng nuôi con: Khi ly hôn, chị N yêu cầu anh Nguyễn Quốc T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, mỗi tháng 2.500.000 đồng/tháng và giữ nguyên yêu cầu. Tại phiên tòa chị N cũng không biết anh T đang làm nghề gì, thu nhập bao nhiêu, chính quyền địa phương cũng không biết tình trạng thu nhập của anh T và anh T vắng mặt nên không thỏa thuận được mức cấp dưỡng nuôi con, do đó căn cứ Điều 7 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao và Nghị định số 293/2025/NĐ-CP ngày 10/11/2025 của Chính phủ Quy định mức lương tối thiểu đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động để Tòa án quyết định anh T cấp dưỡng nuôi con theo mức không thấp hơn một nửa tháng lương tối thiểu vùng tại nơi cháu Nguyễn Quốc V sinh sống. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần buộc anh Nguyễn Quốc T phải cấp dưỡng nuôi con với số tiền 2.070.000 đồng/tháng (mức lương tối thiểu tháng tại vùng III theo Nghị định số 293/2025/NĐ-CP là 4.140.000 đồng/tháng) và được thực hiện hàng tháng là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[9] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị Nguyệt N không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[10] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Nguyệt N là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng, anh Nguyễn Quốc T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 35 của Luật số 85/2025/QH15 ngày 25-06-2025 của Quốc Hội, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án;

- Áp dụng Điều 51; khoản 1 Điều 56; các Điều 58, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116 và Điều 117 của Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 1 Điều 24; khoản 5, 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Nguyệt N.

1. Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Nguyệt N ly hôn anh Nguyễn Quốc T.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Quốc V, sinh ngày 16 tháng 10 năm 2021 cho chị Nguyễn Thị Nguyệt N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con thành niên, đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động hoặc không có tài sản tự nuôi mình.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi con.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc anh Nguyễn Quốc T cấp dưỡng nuôi con Nguyễn Quốc V, sinh ngày 16/10/2021 mỗi tháng 2.070.000 đồng/tháng kể từ ngày 06 tháng 03 năm 2026 cho đến khi con thành niên, đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động hoặc không có tài sản tự nuôi mình.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu luật pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng cho con.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Nguyệt N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0002587 ngày 03 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai. Chị Nguyễn Thị Nguyệt N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm. Anh Nguyễn Quốc T phải phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND Khu vực 7 - Gia Lai;
- Phòng THADS khu vực 7- Gia Lai;
- THADS tỉnh Gia Lai;
- TAND tỉnh Gia Lai;
- UBND phường Diên Hồng, tỉnh Gia Lai (GCNKH số 34 ngày 19/4/2021);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Phan Công Tồn